|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN TOÁN 7** | | | | |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Câu/bài** | **Mô tả** |
| **1** | **Thu thập và biểu diễn dữ liệu** | Thu thập và phân loại dữ liệu | Câu 1, 10  (0,5 đ) | Nhận biết: dữ liệu là số , biết thu thập thông tin |
| Biểu đồ hình quạt tròn | Câu 9  ( 0,25 đ) | Nhận biết: được các số liệu ghi trên biểu đồ |
| Bài 1a,b  ( 1,0 đ) | Nhận biết: các dữ liệu trong biểu đồ hình quạt, |
| Biểu đồ đoạn thẳng | Câu 8  ( 0,25 đ) | Nhận biết: các thông tin trên biểu đồ đoạn thẳng |
| **2** | **Làm quen với biến cố và xác suất của biến cố** | Làm quen với biến cố | Câu 2  ( 0,25 đ) | Nhận biết:biến cố chắc chắn |
| Bài 2a  ( 0,75 đ) | Thông hiểu: Phân biệt được các loại biến cố |
| Làm quen với xác suất của biến cố | Câu 11  ( 0,25 đ) | Nhận biết: xác suất của biến cố chắc chắn luôn bằng 1 |
| Bài 2b  ( 0,75 đ) | Thông hiểu: tính được xác suất của biến cố đồng khả năng |
| Bài 3a,b  ( 1,0 đ) | Thông hiểu: tính được xác suất của từng loại biến cố |
| **3** | **Tam giác bằng nhau** | Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng | Câu 3, 7,12  ( 0,75 đ) | Nhận biết: khái niệm tam giác cân, tam giác đều, đường trung trực |
| Bài 4 phần vẽ hình , ghi GT,KL  (0,5 đ) | Thông hiểu: Vẽ được hình vẽ và ghi được giả thiết, kết luận của một bài hình. |
| Bài 4a  (0,75 đ) | Vận dụng: Chứng minh được hai tam giác bằng nhau |
| **4** | **Quan hệ giữa các yếu tố trong một tam giác** | Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong 1 tam giác | Câu 5  ( 0,25 đ) | Nhận biết: được quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác |
| Quan hệ giữa 3 cạnh trong 1 tam giác | Câu 6  ( 0,25 đ) | Nhận biết: biết được bất đẳng thức trong tam giác |
| Bài 4c  (0,5 đ) | Vận dụng: chứng minh được bất đẳng thức về cạnh |
| Sự đồng quy của 3 đường trung tuyến, ba đường phân giác | Câu 4  ( 0,25 đ) | Nhận biết: tính chất trọng tâm trong tam giác |
| Bài 4b  (0,75 đ) | Vận dụng: Chứng minh được đường trung tuyến trong một tam giác |
| **5** | **Tỉ lệ thức, số thực** | Tỉ lệ thức, giá trị tuyệt đối | Bài 5a,  (0,5 đ) | Vận dụng cao: Chứng minh được tỉ lệ thức |
| Bài 5b  (0,5 đ) | Vận dụng cao: tìm được giá trị lớn nhất của một biểu thức |